TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 13-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vy Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan.

Ông Nông Văn Bằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Lộc Anh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS, ngày 23 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Thị C (Họ tên khác: Bùi Thị H), sinh ngày 03 tháng 6 năm 1969 tại huyện L, tỉnh B.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H; có chồng Nguyễn Đức Đ và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật và bị xử lý lần nào; bị bắt tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 01/10/2019 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Tài H là Luật sư văn phòng luật sư Nghĩa – Hiệp, Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Dương Minh Q, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Đình K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Chị Long Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Anh Tạ Thành C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Bùi Thị C kinh doanh trong lĩnh vực tín dụng dưới hình thức cho vay tiền mặt trực tiếp, có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay. Những trường hợp vay tiền của Bùi Thị C đều được xác lập giấy vay tiền hoặc ghi chép vào sổ sách để theo dõi và tính lãi suất. Trong khoảng từ thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018, Bùi Thị C đã cho một số người dân trên địa bàn huyện B vay tiền lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Ông Dương Văn Đ, sinh ngày 20/03/1968, trú tại Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 20/04/2018, Bùi Thị C cho Dương Văn Đ vay 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày, tài sản cầm cố là Giấy chứng nhận Q sử dụng đất mang tên Dương Văn Đ, nếu ngày 05/08/2018, hai bên thỏa thuận tính là 105 ngày lãi, Đ đã trả cho C 26.250.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc, C đã trả lại cho Đ Giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

Khoản vay thứ hai: Ngày 22/04/2018, Đ vay C 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Đến ngày 05/08/2018, hai bên thỏa thuận tính là 103 ngày lãi. Đ trả lại cho C 10.700.000 đồng tiền lãi và trả 20.000.000 đồng tiền gốc.

Mức lãi suốt 5.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/ năm. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/1 năm, tương ứng 547,95 đồng/1.000.000/1 ngày.

Đối với khoản vay thứ nhất, số tiền hợp pháp C được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày x 50.000.000 đồng x 105 ngày = 2.876.737,5 đồng, số tiền C đã thu lợi bất chính từ khoản vay này là 26.250.000 đồng – 2.876.737,5 = 23.373.262,5. Đối với khoản vay thứ hai, số tiền hợp pháp C được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày x 20.000.000 đồng x 103 ngày = 1.128.777 đồng. Số tiền C đã thu lợi bất chính từ khoản vay này là 10.700.000 đồng – 1.128.777 đồng = 9.571.223 đồng.

Tổng số tiền Bùi Thị C thu lợi bất chính từ việc Dương Văn Đ vay tiền là 23.373.262,5 + 9.571.223 đồng = 32.944.485,5 đồng.

2. Ông Dương Minh Q, sinh ngày 19/05/1960, trú tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 21/04/2018, Bùi Thị C cho Dương Minh Q vay 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày, tài sản cầm cố là Giấy chứng nhận Q sử dụng đất mang tên Dương Minh Q. Đến ngày 31/05/2018, hai bên thỏa thuận tính là 40 ngày lãi, Q đã trả cho C tổng cộng 3.000.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc chưa được thanh toán.

Khoản vay thứ hai: Ngày 16/06/2018, C cho Q vay 55.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày. Đến ngày 02/10/2018, Q trả cho C 30.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 10/04/2019, C chốt sổ tiền Q còn nợ là 96.250.000 đồng.

Tính từ ngày giao kết hợp đồng (16/06/2018) đến ngày chốt số tiền nợ 10/04/2019 là 299 ngày. Số tiền hợp pháp C được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000/1 ngày x 55.000.000 x 299 ngày = 9.011.037,75 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính đối với khoản vay này là (96.250.000 đồng + 30.000.000 đồng) – (55.000.000 + 9.011.037,75 đồng) = 62.238.962,25 đồng. Số tiền C đã thu lợi bất chính trên thực tế là 30.000.000 đồng – 9.011.037,75 đồng = 20.988.962,25 đồng.

Tổng số tiền Bùi Thị C đã thu lợi bất chính từ việc cho Dương Minh Q vay là 2.671.230 đồng + 62.238.962,25 = 64.910.192,25 đồng. Số tiền C đã thu lợi bất chính trên thực tế là 2.671.230 đồng + 20.988.962,25 đồng = 23.660.192,25 đồng.

3. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1971, trú tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 25/04/2018, Bùi Thị C cho Hoàng Thị M vay 9.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày, không có tài sản cầm cố. Đến ngày 13/07/2018, M đã trả cho C 1.800.000 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng tiền gốc, C chốt tổng số tiền vay gốc 7.000.000 đồng và lãi M chưa thanh toán 2.310.000 đồng, thành khoản vay mới là 9.310.000 đồng.

Tính tới thời điểm giao kết hợp đồng (25/04/2018) đến ngày chốt nợ (13/07/2018) đến nay là 80 ngày. Số tiền hợp pháp C được hưởng là 547,95

đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày x 9.000.000 đồng x 80 ngày = 394.524 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính đối với khoản vay này là (2.000.000 đồng + 1.800.000 đồng + 9.310.000 đồng) – (9.000.000 đồng + 394.524 đồng). Số tiền C thu lợi bất chính trên thực tế là (1.800.000 đồng – 394.524 đồng) = 1.405.476 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 13/07/2018, sau khi chốt số tiền của khoản vay thứ nhất. M tiếp tục vay C 5.000.000 đồng và gộp vào khoản tiền 9.310.000 đồng chưa thành toán thành một khoản chung là 14.310.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Ngày 30/11/2018, C chốt số tiền M nợ không tiếp tục tính lãi. Đến ngày 05/12/2018, M đã trả cho C hai lần số tiền lãi, tổng số 11.500.000 đồng, C chốt số tiền M còn nợ là 16.500.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau thời điểm chốt nợ sẽ tính lãi suất là 2%/ tháng. Đến nay M chưa thanh toán cho C và hai bên chưa chốt số nợ. Do đó ngày 13/7/2018 số tiền C chốt nợ khoản vay lần 1 với M là 9.310.000 đồng, do đó số tiền 2.310.000 đồng không phải là số tiền gốc để tính lãi trong khoản vay thứ hai.

Đối với khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp tính dựa trên tổng số tiền vay gốc là 7.000.000 đồng (Khoản vay thứ nhất) + 5.000.000 đồng = 12.000.000 đồng. Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng (13/7/2018) đến thời điểm chốt nợ (30/11/2018) là 141 ngày. Số tiền lãi hợp pháp C được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày x 12.000.000 đồng x 141 ngày = 927.131,4. Số tiền C thu lợi bất chính đối với khoản vay này là 28.062.000 đồng – (14.310.000 đồng + 927.131,4 đồng) = 12.824.868,6 đồng. Số tiền C đã thu lợi bất chính trên thực tế là 11.500.000 đồng – 927.131,4 đồng = 10.572.868,6 đồng.

Tổng số tiền Bùi Thị C thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị M vay là 3.715.476 đồng + 12.824.868,6 đồng = 16.540.344,6 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế C nhận được là 1.405.476 đồng + 10.572.868,6 đồng = 11.978.344,6 đồng.

4. Ông Hoàng Đình K, sinh ngày 24/03/1976, trú tại Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 09/06/2018, Bùi Thị C cho Hoàng Đình K vay 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 75.000 đồng/1 ngày. Ngày 02/02/2019, K đã trả cho C số tiền lãi là 13.500.000 đồng. Ngày 06/06/2019, C chốt tổng số tiền gốc và lãi K còn nợ là 30.750.000 đồng. Ngày 31/08/2019, K đã đặt vấn đề và được C đồng ý chỉ cần thanh toán số tiền gốc 15.000.000 đồng, không phải thanh toán số tiền lãi.

Từ thời điểm giao kết hợp đồng (09/06/2018) đến thời điểm K trả nợ lần cuối (02/02/2019) là 239 ngày, tuy nhiên K không thực hiện đúng thỏa thuận, số tiền lãi 13.500.000 đồng, K trả cho C chỉ tương đương với lãi suất của 180 ngày. Số tiền lãi hợp pháp C được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000/1 ngày x 15.000.000 x 180 ngày = 1.479.465. Số tiền C thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng – 1.479.456 đồng = 12.020.535 đồng.

Quá trình điều tra, bị can thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của bi can phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan và phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu nhập được.

Những tình tiết và những người liên quan

Quá trình điều tra xác định Bùi Thị C còn cho một số người khác vay tiền tính lãi suất, gồm: Đặng Văn T, sinh ngày 14/11/1989, trú tại thôn N, xã T, huyện B với lãi suất là 1.5% và 2%/ tháng; Cho vợ chồng Nguyễn Văn Khoái, sinh ngày 16/04/1970 và Long Thị T, sinh ngày 20/06/1971, cùng cư trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay với mức lãi suất 2%/tháng và 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Mức lãi suất 1.5%/năm tương ứng 18%/năm. Các mức lãi suất 2%/tháng và 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng 24%/năm và 73%/năm gấp 1,2 lần và 3,65 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không cấu thành tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Đối với khoản vay của Dương Minh Q, sau khi chốt nợ với Bùi Thị C ngày 10/04/2018, C thống nhất với ông Q gộp số tiền nợ ở cả hai khoản vay là 15.000.000 đồng và 96.250.000 đồng thành một khoản vay chung là 112.000.000 đồng và viết giấy vay nợ mới. Bùi Thị C có con rể là Tạ Thành C sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện V, tạm trú tại ngõ số 53, khu phố Trần Phú, thị trấn Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn cũng hoạt động cho vay nặng lãi nên C thống nhất với ông Q chuyển khoản nợ 112.00.000 đồng, Giấy chứng nhận Q sử dụng đất của Q sang cho Cương và Cương đã thỏa thuận với ông Q tính lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng 182%/năm có dấu hiệu của tội phạm Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hiện Tạ Thành C đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn khởi tố, điều tra về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong một vụ án khác, trong đó có khoản vay nêu trên của ông Dương Minh Q, do đó không xử lý hành vi cho vay lãi nặng của Tạ Thành C đối với ông Dương Minh Q trong vụ án này.

Đối với tờ giấy vay tiền mang tên Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 02/09/1988, trú tại Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Bùi Thị C khai nhận chỉ lập tờ giấy vay tiền này để làm mẫu cho khách đến vay, trên thực tế không có việc Hùng vay tiền của C. Lời khai của Nguyễn Văn Hùng phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị C.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật tài liệu và việc xử lý.

Thu giữ của Đặng Văn T: Số tiền 3.000.000 đồng, trong đó: 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

Thu giữ của Bùi Thị C:

- 45.000.000 đồng, gồm 90 tờ tiền, mệnh giá 500.000 đồng.

- 01 Q sổ màu xanh hồng in chữ "castor", bên trong có 24 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu hồng có in chữ "trạng nguyên" và chữ viết tay " Khoái Vũ Lăng", bên trong có 11 trang đã nghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu trắng hồng, ngoài ghi chữ " Tưởng + Thưởng", bên trong có 10 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay; 09 tờ giấy vay tiền ghi chữ viết tay, trong đó: 02 tờ người vay tiền là Dương Minh Q, 01 tờ vay tiền Hoàng Đình K, 01 tờ vay tiền Nguyễn Văn Khoái, Long Thị T(vợ), 01 tờ người vay tiền là Đặng Văn T, 01 tờ người vay tiền là Nguyễn Văn Hùng, 01 tờ người vay tiền là Hoàng Thị M, 02 tờ người vay tiền là Dương Văn Đ; 02 tờ giấy viết tay, trong đó: 01 tờ mẫu giấy hợp đồng thuê xe, mặt sau ghi chữ và số viết tay; 03 tờ giấy vay tiền có ghi chữ viết tay, người vay Nguyễn Văn Khoái.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen đã qua sử dụng, số IMEI: 352464070851201.

Bản cáo trạng số 03/ CT-VKS-P3 ngày 23 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Bùi Thị C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hành Q công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như trong Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi; không thắc mắc khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu luận tội đã rút một phần quyết định truy tố; đề nghị xét xử bị cáo Bùi Thị C từ khoản 2 Điều 201, về khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với lý do bị cáo có cho 04 người vay tổng số tiền là 169.000.000đồng và tính lãi suất 5.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày; tương ứng với 182,5%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền được tính lãi theo thỏa thuận của hai bên và trên sổ sách là 126.415.557,35 đồng, nhưng thực tế bị cáo đã nhận thu được chỉ là 80.603.557,35 đồng. Theo quy định hướng dẫn các văn bản nghiệp vụ, thì số tiền thu lợi bất chính của bị cáo thực tế thu được chỉ đủ căn cứ quy kết theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; hiện nay bị cáo bị Ung thư mất sức khỏe 61%, được xác định là bệnh hiểm nghèo (Căn cứ theo danh mục bệnh hiểm nghèo ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ); mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo có thể được

hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201 điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị C từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị tổn hại thương tật 61% không có khả năng thi hành nên không đề nghị áp dụng.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu 01 Q sổ màu xanh hồng in chữ "castor", bên trong có 24 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu hồng có in chữ "trạng nguyên" và chữ viết tay " Khoái Vũ Lăng", bên trong có 11 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu trắng hồng, ngoài ghi chữ " Tưởng + Thưởng", bên trong có 10 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay, không còn giá trị sử dụng tạm giữ của Bùi Thị C được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

+ Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen đã qua sử dụng, số IMEI: 352464070851201 của Bùi Thị C.

+ Trả lại số tiền 45.000.000 đồng cho bị cáo Bùi Thị C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tạm giữ số tiền 10.200.000 đồng của bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả, để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho Đặng Văn T số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu số tiền 169.000.000 đồng của bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội, để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu đối với Bùi Thị C 72 triệu đồngm (là tiền gốc của Dương Văn Đ và Hoàng Thị M đã trả cho C), truy thu số tiền nợ gốc chưa trả của Anh Dương Minh Q 70.000.000 đồng; chị Hoàng Thị M 12.000.000 đồng; anh Hoàng Đình K 15.000.000 đồng. Truy thu số tiền của Bùi Thị C do phạm tội mà có 16.146.442,65 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 123, 131 và 468 Bộ luật Dân sự

Buộc Bùi Thị C trả lại cho người có Q lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) số tiền thu lợi bất chính là 80.603.557,35 đồng, trong đó:

Trả cho ông Dương Văn Đ số tiền 32.944.485,5 đồng.

Trả cho ông Dương Minh Q số tiền 23.660.192,25 đồng.

Trả cho chị Hoàng Thị M số tiền 11.978.344,6 đồng.

Trả cho anh Hoàng Đình K số tiền 12.020.535 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của nhưng người vay tiền, vì đã thỏa thuận lãi suất với bị cáo; về nhân thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, như tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; phạm tội ít nghiêm trọng; người phạm tội là người khuyết tật nặng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có mẹ có công với Nhà nước. Đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên rút quyết định truy tố từ khoản 2 xuống khoản 1 của điều luật về tội này, nhưng mức hình phạt cải tạo không giam giữ thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và không áp dụng khấu trừ thu nhập cũng như lao động công ích. Đồng tình với ý kiến Kiểm sát viên về xử lý vật chứng và hình phạt bổ sung.

Bị cáo đồng tình với ý kiến tranh luận của luật sư và không có tranh luận bổ sung với luận tội của Kiểm sát viên và không bào chữa; lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để sớm trở về làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được Tòa án nhân dân huyện B triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai không có lý do; bị cáo có yêu cầu xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt những người này không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng đã có lời khai của họ tại Cơ quan điều tra, cần thiết có thể công bố lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, như vậy có căn cứ quy kết: Trong thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018, Bùi Thị C đã cho 04 người đều trú tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay tiền, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 182,5%, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Với tổng số tiền là 169.000.000 đồng; đó là cho ông Dương Văn Đ vay 70.000.000 đồng, ông Dương Minh Q vay 70.000.000 đồng, bà Hoàng Thị M vay 14.000.000 đồng,

ông Hoàng Đình K vay 15.000.000 đồng. Tổng số tiền Bùi Thị C tính lãi theo định kỳ, thời hạn của từng người, theo nhu cầu vay của họ, để thu lợi bất chính là 126.415.557,35 đồng, trong đó của ông Dương Văn Đ là 32.944.485,5 đồng, ông Dương Minh Q là 64.910.192,25 đồng, bà Hoàng Thị M là 16.540.344,6 đồng, ông Hoàng Đình K là 12.020.535 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính Bùi Thị C đã được nhận theo Cáo trạng nêu trên, là số tiền thực tế theo định kỳ thời hạn cho vay, tính lãi mà đến hạn bị cáo thu là 80.603.557,35 đồng; còn số tiền đã được tính lãi theo thỏa thuận giữa bị cáo và người vay chưa đến hạn trả là số tiền 126.415.557,35 đồng, vẫn còn đang trong thời kỳ giao dịch và phải coi đây là số tiền thu lợi bất hợp pháp của bị cáo. Như vậy, hành vi của bị cáo Bùi Thị C đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn và tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự coi thường pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi của bị cáo còn có thể để lại hậu quả, hệ lụy mang tính chất bóc lột, có nguy cơ làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng. Vì vậy, cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Sau khi khởi tố bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân và tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện nộp số tiền 55 triệu đồng để khắc phục hậu quả; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hiện nay bị cáo bị Ung thư, mất sức khỏe 61%, được xác định là bệnh hiểm nghèo (Căn cứ theo danh mục bệnh hiểm nghèo ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ); mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo có thể được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Hội đồng xét xử thấy bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, tổn thương mất 61% sức khỏe; không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bùi Thị C trả lại cho người có Q lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) số tiền thu lợi bất chính là 80.603.557,35 đồng, trong đó: Trả cho ông Dương Văn Đ số tiền 32.944.485,5 đồng, ông Dương

Minh Q số tiền 23.660.192,2 đồng, cho chị Hoàng Thị M số tiền 11.978.344,6 đồng, anh Hoàng Đình K số tiền 12.020.535 đồng. Đây là những khoản tiền giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 131 và 468 của Bộ luật Dân sự thì không được tính các khoản lãi xuất này.

[8] Về xử lý vật chứng:

[9] Tịch thu 01 Q sổ màu xanh hồng in chữ "castor", bên trong có 24 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu hồng có in chữ "trạng nguyên" và chữ viết tay " Khoái Vũ Lăng", bên trong có 11 trang đã nghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu trắng hồng, ngoài ghi chữ " Tưởng + Thưởng", bên trong có 10 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay, không còn giá trị sử dụng tạm giữ của Bùi Thị C được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen đã qua sử dụng, số IMEI: 352464070851201, đã qua sử dụng tạm giữ của Bùi Thị C.

[11] Trả lại số tiền 45.000.000 đồng cho bị cáo Bùi Thị C bị tạm giữ trong quá trình khám xét nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; tạm giữ số tiền 10.200.000đồng của bị cáo nộp, để khấu trừ các khoản bị cáo phải thi hành án.

[12] Trả lại cho anh Đặng Văn T có địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 3.000.000đồng.

[13] Truy thu số tiền 72.000.000 đồng của bị cáo Bùi Thị C, do Dương Văn Đ và Hoàng Thị M đã trả, mà bị cáo đã dùng làm công cụ phương tiện phạm tội.

[14] Truy thu số tiền gốc vay chưa trả, cụ thể: Anh Dương Minh Q 70.000.000 đồng; chị Hoàng Thị M 12.000.000 đồng; anh Hoàng Đình K 15.000.000 đồng.

[15] Về án phí: Bị cáo Bùi Thị C bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[16] Về Q kháng cáo: Bị cáo Bùi Thị C và những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[17] Việc rút một phần quyết định truy tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề nghị của Luật sư, bào chữa cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không đồng ý chấp nhận; bởi lẽ thực tế tổng số tiền mà bị cáo cho 04 người vay như trong Cáo trạng truy tố, là số tiền đã được tính lãi suất cao và đang tiếp tục thực hiện giao dịch có thời hạn, vẫn tính lãi theo thỏa thuận trước khi hai bên giao dịch, chứ không phải đã chấm dứt và lãi suất trong tổng số tiền bị cáo cho vay là 169.000.000 đồng, lãi suất mà bị cáo tính là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thì số tiền bị cáo đã cho những người trên vay, sẽ thu được là 126.415.557,35 đồng. Còn khoản tiền thực tế bị cáo đã thu của những người đến hạn trả là 80.603.557,35 đồng, chỉ là đến kỳ hạn trả lãi của

người vay phải trả mà bị cáo thu về, không phải là tổng lãi của số tiền 169.000.000 đồng mà bị cáo đã cho vay và được tính lãi như đã nêu ở trên; nên không thể coi đây là khoản tiền thu lời bất chính để làm căn cứ định tội theo khoản 1 Điều 201, như Kiểm sát viên và luật sư đề nghị. Hội đồng xét xử đồng tình đề nghị của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không cần xử tù giam bị cáo, cũng như đề nghị hướng xử lý các biện pháp tư pháp và hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh bệnh tật nặng, nên không cần thiết phải xử tù giam, mà cho bị cáo hưởng mức án treo cải tạo tại địa phương, cũng phù hợp với Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thị C.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 123, 131, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án phối hợp với chính Q địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt bản án trước và tổng hợp với hình phạt bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự.

Buộc Bùi Thị C trả lại cho người có Q lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) số tiền thu lợi bất chính là 80.603.557,35 đồng, trong đó: Trả cho ông Dương Văn Đ số tiền 32.944.485,5 đồng, ông Dương Minh Q số tiền 23.660.192,2 đồng, cho chị Hoàng Thị M số tiền 11.978.344,6 đồng, anh Hoàng Đình K số tiền 12.020.535 đồng. Đây là những khoản tiền giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 131 và 468 của Bộ luật Dân sự thì không được tính lãi suất của các khoản tiền này.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu 01 Q sổ màu xanh hồng in chữ "castor", bên trong có 24 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu hồng có in chữ "trạng nguyên" và chữ viết tay " Khoái Vũ Lăng", bên trong có 11 trang đã nghi nhiều chữ và số viết tay; 01 quyển số màu trắng hồng, ngoài ghi chữ " Tưởng + Thưởng", bên trong có 10 trang đã ghi nhiều chữ và số viết tay, không còn giá trị sử dụng tạm giữ của Bùi Thị C được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen đã qua sử dụng, số IMEI: 352464070851201, đã qua sử dụng tạm giữ của Bùi Thị C.

Trả lại số tiền 45.000.000 đồng cho bị cáo Bùi Thị C bị tạm giữ trong quá trình khám xét nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho anh Đặng Văn T, sinh ngày 14/11/1989 địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 3.000.000 đồng

Những vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 23/12/2019.

Tạm giữ số tiền 10.200.000 đồng của bị cáo Bùi Thị C theo biên lai nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B số AA/2015/0004366; AA/2015/0004367 cùng ngày 13/01/2020, để đảm bảo thi hành án.

Truy thu số tiền gốc mà những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho Bùi Thị C, số tiền 72.000.000 đồng đã dùng làm phương tiện phạm tội.

- Truy thu số tiền gốc của những người vay với Bùi Thị C chưa trả, cụ thể: Anh Dương Minh Q 70.000.000 đồng; chị Hoàng Thị M 12.000.000 đồng; anh Hoàng Đình K 15.000.000 đồng.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có của Bùi Thị C số tiền 16.146.442,65đồng.

4. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.030.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách nhà nước. Tổng cộng bị cáo phải chịu tiền án phí là 4.230.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Toà; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vy Ngọc Linh